

## HOSE 11/07/2014

VNINDEX 582.77 -2.11 -0.36%

KLGD 78,299,428 CP  
GTGD 1,261.95 Tỷ  
GTR NDTNN 0.00 Tỷ

CP Tăng giá 88 CP  
CP Giảm giá 85 CP  
CP Đứng giá 131 CP



## Tâm điểm

- ▶ **Cung cầu cân bằng hơn trong phiên hôm nay, 2 sàn đóng cửa trái chiều**
- ▶ **Thanh khoản sụt giảm khá mạnh trong phiên hôm nay**  
Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 2,800 tỷ đồng
- ▶ **Ngân hàng còn gần 133,000 tỷ đồng nợ xấu**  
Con số này tương đương với 4.07% tổng tín dụng  
Vnexpress
- ▶ **Chỉ số niềm tin tiêu dùng Việt Nam đứng thứ 3 châu Á**  
Theo đó, chỉ số niềm tin tiêu dùng Việt Nam đã tăng trở lại và đạt mức 131.0  
BizLive
- ▶ **Xuất khẩu Trung Quốc tháng 6 tăng trưởng thấp hơn dự báo**  
Theo thông tin từ Cục Hải quan Trung Quốc  
DVO/Reuters
- ▶ **IMP: 6 tháng đầu năm 2014, đạt 377 tỷ đồng doanh thu và 55 tỷ lợi nhuận**  
Với kết quả này, IMP mới chỉ hoàn thành được 45.9% kế hoạch lợi nhuận năm  
Diễn đàn Đầu tư
- ▶ **VCB: 6 tháng, lãi 2,778 tỷ đồng, nợ xấu 3.06%**  
6 tháng đầu năm 2014, LNTT của VCB tăng 6.7% so với cùng kỳ năm trước  
Vneconomy

## HNX 11/7/2014

HNXINDEX 78.62 0.01 0.01%

KLGD 59,500,806 CP  
GTGD 630.34 Tỷ  
GTR NDTNN 0.00 Tỷ

CP Tăng giá 82 CP  
CP Giảm giá 85 CP  
CP Đứng giá 212 CP



## VN30 & HNX30 INDEX

VN30 627.10 -1.68 -0.27%  
HNX30 159.85 0.34 0.21%

## Thị trường / Ngành

### Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,034,330	13.8	3.2	20.9%	11.1%
HNX	126,051	17.6	1.5	7.5%	4.1%
<b>Toàn bộ thị trường</b>	<b>1,160,381</b>	<b>15.7</b>	<b>3.0</b>	<b>19.7%</b>	<b>10.4%</b>

### Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	6,972	5.8	0.9	15.7%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	18,321	6.9	1.4	20.8%	15.3%
Thép và sản phẩm thép	38,102	20.6	2.2	18.3%	7.8%
Khai khoáng	11,172	48.7	4.4	2.4%	1.7%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	21,021	18.4	1.4	11.7%	8.2%
Xây dựng	29,693	- 34.9	1.1	-4.3%	1.5%
Máy công nghiệp	8,202	6.3	1.4	21.3%	14.7%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,970	13.5	1.4	15.0%	11.4%
Lốp xe	7,519	9.1	2.5	29.1%	12.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	15,743	9.7	1.3	14.5%	6.4%
Thực phẩm	200,732	23.0	4.8	21.8%	16.8%
Dược phẩm	15,838	12.3	3.1	25.8%	16.7%
Phần mềm	17,076	10.5	2.2	22.2%	9.6%
Sản xuất & phân phối điện	22,456	- 5.6	1.2	-6.5%	3.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	214,830	18.0	5.7	32.9%	22.1%
Bảo hiểm nhân thọ	28,580	23.2	2.3	10.0%	2.3%
Môi giới chứng khoán	25,439	13.8	1.4	8.3%	6.3%
Ngân hàng	243,269	11.0	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản	138,311	11.9	2.5	27.8%	6.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	38,281	10.0	2.0	20.4%	8.3%

## Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

**Ngân hàng còn gần 133,000 tỷ đồng nợ xấu**

**Chỉ số niềm tin tiêu dùng Việt Nam đứng thứ 3 châu Á**

**Xuất khẩu Trung Quốc tháng 6 tăng trưởng thấp hơn dự báo**

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

**IMP: 6 tháng đầu năm 2014, đạt 377 tỷ đồng doanh thu và 55 tỷ lợi nhuận**

**VCB: 6 tháng, lãi 2,778 tỷ đồng, nợ xấu 3.06%**

**TRC: Đạt 80 tỉ lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2014**

## ► Tin kinh tế

Đại diện Cơ quan Thanh tra giám sát Ngân hàng Nhà nước cho biết, nợ xấu nội bảng đến hết tháng 5 là 132,500 tỷ đồng, chiếm 4.07% tổng tín dụng. Riêng trong tháng 5, các khoản nợ kém chất lượng theo vị này chỉ tăng 0.84% so với tháng 4 trong khi 4 tháng trước đó, tốc độ tăng bình quân luôn trên 3% mỗi tháng. Nếu không thực hiện cơ cấu lại, tổng nợ xấu toàn hệ thống có thể tăng gấp đôi và chiếm tỷ trọng hơn 8%.

Sáng 11/7, ANZ phối hợp với tập đoàn nghiên cứu thị trường Roy Morgan chính thức giới thiệu chỉ số niềm tin người tiêu dùng hàng tháng lần đầu tiên tại Việt Nam. Theo đó, chỉ số niềm tin tiêu dùng Việt Nam đã tăng trở lại và đạt mức 131.0 (tăng 7.7 điểm) vào tháng Sáu vừa qua. Chỉ số này hiện chỉ cao trên mức trung bình của năm 2014 là 130.5, đứng thứ ba tại Châu Á sau Indonesia và Trung Quốc. Mức tăng chỉ số niềm tin người tiêu dùng Việt Nam trong tháng vừa qua chủ yếu được tác động bởi sự cải thiện niềm tin về tình hình tài chính cá nhân của người Việt. Chỉ số trên được khảo sát trên 7 tỉnh, thành phố chính của Việt Nam với độ tuổi từ 14 trở lên, mang lại cái nhìn tổng quát về sự khác nhau trong tâm lý và xu hướng tiêu dùng giữa những thành phố lớn nhỏ.

Theo Cục Hải quan Trung Quốc, xuất khẩu tháng 6 tăng 7.2% so với cùng kỳ năm ngoái, cao hơn so với 7% của tháng 5 nhưng thấp hơn nhiều so với 10.6% dự báo của các chuyên gia. Trong khi đó, nhập khẩu tháng 6 bất ngờ tăng 5.5%, trái ngược với mức giảm 1.6% trong tháng 5, nhưng vẫn thấp hơn so với 5.8% dự báo. Như vậy, thặng dư thương mại của Trung Quốc trong tháng 6 giảm xuống 31.6 tỷ USD từ 35.9 tỷ USD trong tháng 5. Cục Hải quan Trung Quốc dự báo, xuất khẩu sẽ tăng nhanh hơn trong quý 3, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong 6 tháng cuối năm 2014.

## ► Tin doanh nghiệp

CTCP Dược phẩm Imexpharm (HOSE: IMP) vừa công bố kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2014 trong báo cáo quản trị công ty. Theo đó, tổng doanh thu thực hiện của IMP đạt 377.7 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 55.1 tỷ đồng. Về kế hoạch sản xuất năm 2014, IMP đặt mục tiêu doanh thu 1,000 tỷ đồng và 120 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế. Với kết quả 6 tháng, IMP đã đạt được 37.7% kế hoạch doanh thu và 45.9% kế hoạch lợi nhuận năm. Trước đó, báo cáo kết quả kinh doanh 5 tháng đầu năm, IMP cho biết tổng doanh thu và thu nhập thực hiện được của Imexpharm là 301.3 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 42.2 tỷ đồng, lần lượt đạt 30.1% và 35.2% doanh thu và lợi nhuận kế hoạch năm 2014.

Trong 6 tháng đầu năm, lợi nhuận trước thuế của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (HOSE: VCB) trước dự phòng đạt 5,178 tỷ đồng, tăng 14.2% so với cùng kỳ năm trước. VCB đã trích dự phòng rủi ro ở mức 2,400 tỷ đồng. Thu nhập thuần từ lãi tăng 9%, thu dịch vụ tăng 15.11%, thu từ kinh doanh ngoại tệ giảm 6.6%, thu nợ ngoại bảng tăng hơn 3 lần, chi phí quản lý tăng 16.7%. Lợi nhuận trước thuế đạt 2,778 tỷ đồng sau khi trích dự phòng rủi ro, tăng 6.7% so với cùng kỳ năm trước. Về nợ xấu, thu nợ xử lý dự phòng rủi ro lũy kế 6 tháng của VCB đạt 403 tỷ đồng, tăng khoảng 3.3 lần so với kết quả cùng kỳ năm trước; thu nợ đã bán cho VAMC đạt 434.5 tỷ đồng, đạt 61.65% kế hoạch năm (trong đó 356.5 tỷ đồng được ghi nhận vào doanh thu 6 tháng đầu năm). Tỷ lệ nợ nhóm 2 ở mức 7.69%, giảm so với 31/12/2013 (8.27%). Tỷ lệ nợ xấu tại 30/6 ở mức 3.06%.

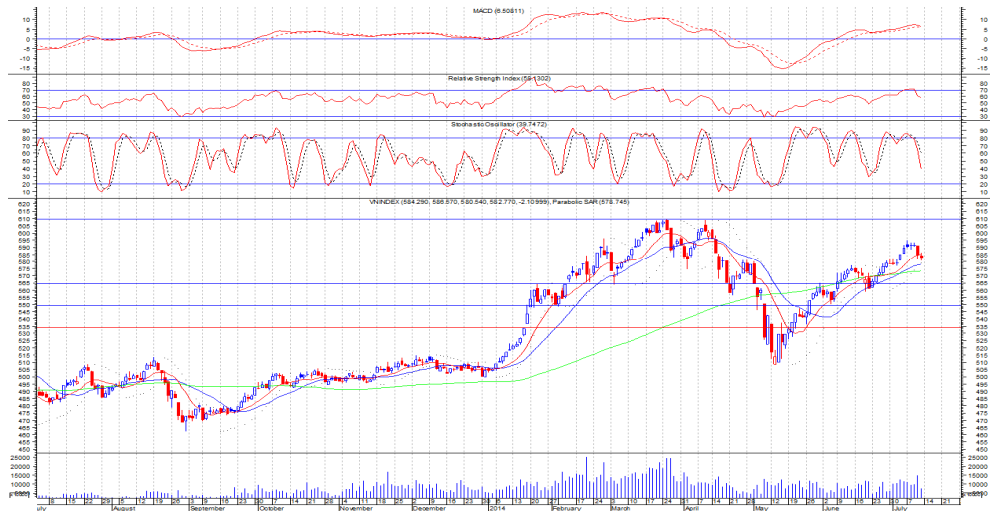
HĐQT CTCP Cao su Tây Ninh (HOSE: TRC) vừa công bố một số chỉ tiêu chính thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2014. Theo đó, trong 6 tháng đầu năm, sản lượng khai thác của TRC đạt 3,981 tấn hoàn thành 38% kế hoạch (KH), sản lượng chế biến đạt 4,448 tấn, gần 30% KH. Tiêu thụ sản phẩm được 4,773 tấn, trong đó mù khai thác chiếm tỷ trọng lớn nhất với 4,486 tấn chiếm hơn 90%, mù thu mua chỉ tiêu thụ được 287 tấn sau 6 tháng đầu năm. Kết quả là, công ty đạt lợi nhuận gần 80 tỷ đồng, hoàn thành 66% kế hoạch năm 2014 (121 tỷ đồng).

**HOSE** 11/07/2014 VNINDEX 582.77 -2.11 -0.36% 78,299,428 CP 1,261.95 bil VND

**Cung cầu cân bằng hơn trong phiên hôm nay, 2 sàn đóng cửa trái chiều**

VN-Index giảm 2.11 điểm (-0.36%), đóng cửa tại mức 582.77 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến vừa phải, giảm điểm phiên thứ 2 liên tiếp.

- MACD sụt giảm nhưng vẫn chưa cho tín hiệu bán ra, nếu VN-Index tiếp tục giảm điểm thì nhiều khả năng MACD sẽ cho tín hiệu bán.
- Stochastic Oscillator tiếp tục sụt giảm mạnh và đi về vùng quá bán.
- MA10 đã bị phá vỡ, MA20 sẽ đóng vai trò hỗ trợ cho VN-Index giai đoạn tiếp.
- RSI (14) sụt giảm xuống mức 58.



**HOSE Top 5 theo KLGD**

FLC	0 (0.0%)	11,035,930
ITA	-0.1 (-1.2%)	4,602,340
SSI	-0.1 (-0.4%)	3,134,370
VHG	0 (0.0%)	2,589,510
SAM	0 (0.0%)	2,345,860

**HOSE Top 5 theo % tăng**

HTL	1.1 (6.9%)	110
THG	0.7 (6.9%)	3,620
VIP	0.7 (6.7%)	1,088,810
SGT	0.3 (6.4%)	10,910
C47	1 (5.7%)	15,020

**HOSE Top 5 theo % giảm**

IDI	-2.8 (-20.6%)	684,410
TMP	-1.6 (-6.8%)	2,920
SFC	-1.4 (-6.5%)	20
PDR	-0.7 (-6.3%)	70
HLG	-0.3 (-6.0%)	2,860

**HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN**

HPG	7,6 tỷ	140,290
CSM	6,5 tỷ	151,600
GAS	5,3 tỷ	48,460
PPC	4,6 tỷ	220,280
PVD	3,0 tỷ	35,690

**HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN**

VIC	-23,0 tỷ	330,910
HAG	-10,4 tỷ	416,130
VCB	-4,4 tỷ	171,210
DPM	-3,3 tỷ	100,980
EIB	-2,4 tỷ	185,640

<b>GD NDTNN</b>	<b>KL Ròng</b>	<b>GT Ròng (tỷ)</b>
HOSE	3.225.541	0.00

**Nhận định / Bình luận thị trường**

- ▶ Cung cầu có phần cân bằng hơn trong phiên hôm nay. Có những thời điểm VN-Index sụt giảm mạnh nhưng lực cầu vẫn khá tốt. Dòng tiền có dấu hiệu phân hóa.
- ▶ KLGD sụt giảm mạnh và đạt 76 triệu đơn vị. Việc thanh khoản sụt giảm cho thấy nhà đầu tư bắt đầu thận trọng trở lại và chờ đợi thị trường cân bằng hơn.
- ▶ Khối ngoại bán ròng 10.9 tỷ trong phiên hôm nay. Thêm một phiên bán ròng nữa của khối này. Nhưng nhiều khả năng vẫn chưa có nhiều lo ngại với đà bán này.
- ▶ MA20 sẽ hỗ trợ mạnh cho VN-Index khi chỉ số này điều chỉnh. Động lực tăng của VN-Index vẫn còn, nhiều khả năng VN-Index sẽ GD cân bằng hơn ở vùng này.
- ▶ NĐT cân nhắc chốt lãi, việc mua mới nên xem xét ưu tiên nhóm CP chưa tăng trưởng mạnh về giá hoặc đã điều chỉnh giai đoạn vừa rồi.

**HOSE - Top 10 theo vốn hóa**

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	109.0	206,555.00	18.5	5.9	33.4%	22.6%
VNM	833.4	127.0	105,846.10	16.6	5.6	36.4%	29.1%
VCB	2,665.0	25.7	68,491.02	15.6	1.6	10.4%	1.0%
MSN	734.9	91.5	67,244.39	205.0	4.6	2.2%	0.7%
VIC	894.2	69.5	62,149.71	8.4	4.0	47.0%	11.1%
CTG	3,723.4	14.6	54,361.71	8.6	1.0	11.4%	1.1%
BID	2,811.2	14.9	41,886.92	9.0	1.2	14.2%	0.8%
BVH	680.5	41.3	28,103.47	23.2	2.3	10.0%	2.3%
HPG	481.9	55.0	26,504.95	11.2	2.6	25.0%	10.7%
PVD	275.3	84.0	23,121.68	10.8	2.2	21.7%	9.8%

**HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ**

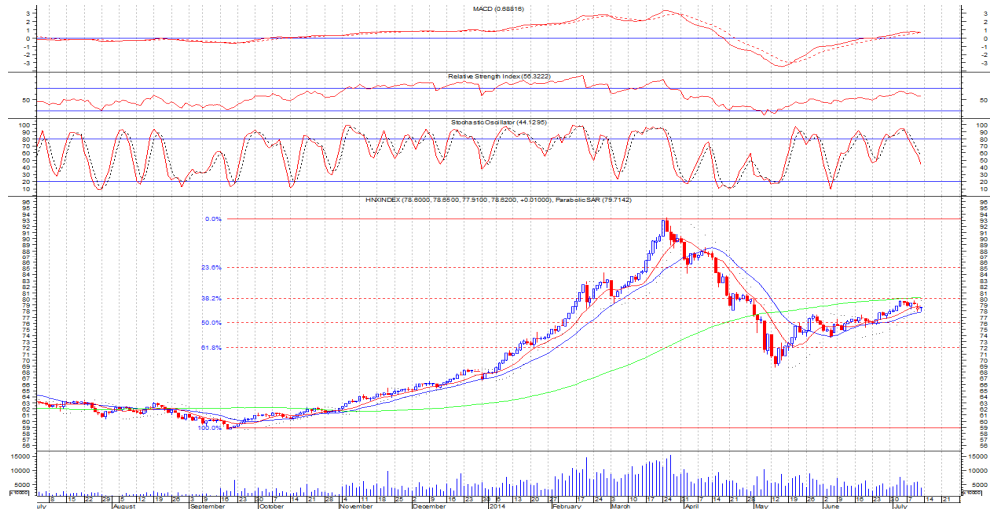
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	13.0	3,326.18	14.0	1.2	NA	TH.DOI
FPT	343.9	48.7	16,747.65	10.4	2.2	NA	TH.DOI
CII	112.9	19.9	2,245.94	15.8	1.4	NA	TH.DOI
BMP	45.5	71.0	3,228.97	8.6	2.1	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.7	710.78	5.3	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	19.4	535.63	1.9	0.9	NA	TH.DOI

**HNX** 11/07/2014 HNX-Index 78.62 0.01 0.01% 59,500,806 CP 630.34 bil. VND

### Cung cầu cân bằng hơn trong phiên hôm nay, 2 sàn đóng cửa trái chiều

Chỉ số HNX-Index tăng 0.01 điểm (+0.01%), đóng cửa tại mốc 78.62 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh, thân ngắn, cây nến gần giống với nến Doji thể hiện sự lưỡng lự của chỉ số HNX-Index.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục sụt giảm mạnh.
- MACD sụt giảm nhưng vẫn chưa cho tín hiệu bán ra.
- RSI (14) đi ngang và duy trì ở mức 56.
- MA10 đã bị phá vỡ trong phiên hôm nay, MA20 sẽ đóng vai trò hỗ trợ cho thị trường trong giai đoạn tới.



### HNX Top 5 theo KLGD

PVX	0.1 (2.2%)	6,159,410
SCR	0.1 (1.1%)	2,990,820
KLF	0 (0.0%)	2,691,500
SHB	0.1 (1.1%)	2,377,120
KLS	-0.1 (-0.8%)	2,296,950

### HNX Top 5 theo % tăng

GMX	1.1 (9.7%)	100
TET	1.5 (9.7%)	1,000
S55	3.5 (8.8%)	400
VE8	0.6 (8.6%)	600
CJC	2.5 (8.3%)	200

### HNX Top 5 theo % giảm

BKC	-1.1 (-10.0%)	100
HHC	-3.5 (-10.0%)	200
SMT	-2.4 (-10.0%)	200
VLA	-1.6 (-9.9%)	100
WCS	-8.1 (-9.9%)	500

### HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	16,7 tỷ	560,400
DBC	5,5 tỷ	243,900
VND	1,0 tỷ	61,300
PPS	0,2 tỷ	14,600
INN	0,2 tỷ	5,000

### HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVC	-2,1 tỷ	103,030
LAS	-1,9 tỷ	55,000
HNM	-0,4 tỷ	40,600
KHL	-0,2 tỷ	56,000
IVS	-0,2 tỷ	22,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	1.014.700	0.00

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Cung cầu có phần cân bằng hơn trong phiên hôm nay. Có những thời điểm HNX-Index sụt giảm mạnh nhưng lực cầu vẫn khá tốt. Dòng tiền có dấu hiệu phân hóa.
- ▶ KLGD sụt giảm mạnh và đạt 38 triệu đơn vị. Việc thanh khoản sụt giảm cho thấy nhà đầu tư bắt đầu thận trọng trở lại và chờ đợi thị trường cân bằng hơn.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 19 tỷ trong phiên hôm nay. Việc khối ngoại liên tục duy trì đà mua ròng sẽ hỗ trợ khá tốt cho thị trường trong bối cảnh hiện nay.
- ▶ MA20 sẽ hỗ trợ mạnh cho HNX-Index khi chỉ số này điều chỉnh. Động lực tăng của HNX-Index vẫn còn, nhiều khả năng HNX-Index sẽ GD cân bằng hơn ở vùng này.
- ▶ NĐT cân nhắc chốt lãi, việc mua mới nên xem xét ưu tiên nhóm CP chưa tăng trưởng mạnh về giá hoặc đã điều chỉnh giai đoạn vừa rồi.

### HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.4	14,010.62	18.4	1.1	6.1%	0.5%
PVS	446.7	29.9	13,356.34	8.8	1.6	19.3%	6.2%
SHB	886.1	9.2	8,151.97	10.0	0.8	7.9%	0.7%
SQC	110.0	69.4	7,634.00	235.5	5.8	-2.4%	-2.0%
VCG	441.7	13.9	6,139.78	13.9	1.1	8.3%	1.8%
OCH	200.0	25.4	5,080.00	35.9	2.4	6.3%	3.1%
PVI	225.4	18.5	4,170.16	14.9	0.7	4.6%	2.1%
NTP	56.3	53.9	3,036.69	10.4	2.4	23.8%	16.0%
LAS	77.8	35.1	2,731.90	6.2	1.9	33.5%	17.5%
VNR	131.1	20.0	2,621.52	7.8	1.1	14.5%	7.0%

### HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	30.7	1,166.60	7.5	1.3	NA	TH.DOI
AAA	19.8	19.4	384.12	7.5	0.7	NA	TH.DOI
VND	96.9	16.3	1,580.06	11.2	1.3	NA	TH.DOI
NTP	56.3	53.9	3,036.69	10.4	2.4	NA	TH.DOI
PVC	50.0	20.6	1,030.00	12.4	1.2	NA	TH.DOI
DXP	7.9	40.0	315.00	6.2	1.5	NA	TH.DOI

## FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	67,244.39	13.73%	91.5	205.02	4.60	107,429	157,307	154,647
VIC	HOSE	894.2	62,149.71	13.68%	69.5	8.36	4.00	356,500	331,405	391,709
HPG	HOSE	481.9	26,504.95	13.62%	55.0	11.19	2.57	981,343	913,278	684,142
PVD	HOSE	275.3	23,121.68	9.64%	84.0	10.78	2.23	259,647	354,926	341,502
HAG	HOSE	718.2	17,953.87	8.07%	25.0	14.84	1.36	2,857,743	2,660,600	2,882,523
STB	HOSE	1,142.5	22,964.48	7.65%	20.1	10.54	1.39	396,142	2,356,710	1,542,539
VCB	HOSE	2,665.0	68,491.02	6.07%	25.7	15.55	1.56	317,007	570,478	597,132
DPM	HOSE	379.9	12,309.87	5.32%	32.4	6.50	1.41	835,396	950,871	1,179,694
ITA	HOSE	718.0	5,887.65	3.07%	8.2	104.97	0.76	6,463,945	5,933,329	5,820,503
BVH	HOSE	680.5	28,103.47	2.45%	41.3	23.19	2.28	172,087	209,668	352,342
KBC	HOSE	389.8	4,404.29	2.33%	11.3	26.57	0.89	1,512,456	1,374,117	980,143
HSG	HOSE	96.3	4,362.98	2.28%	45.3	11.16	1.98	144,187	131,221	150,519
GMD	HOSE	114.4	3,901.78	1.97%	34.1	126.52	0.86	141,701	190,849	279,290
VSH	HOSE	206.2	3,217.36	1.58%	15.6	15.07	1.21	942,764	616,930	473,825
PPC	HOSE	318.2	6,776.69	1.47%	21.3	7.39	1.20	418,901	333,636	438,245
CSM	HOSE	67.3	2,987.76	1.45%	44.4	7.85	2.24	588,293	479,779	404,551
DRC	HOSE	83.1	4,236.77	1.34%	51.0	10.76	2.81	325,489	266,529	219,811
HVG	HOSE	120.0	2,856.00	1.24%	23.8	14.77	1.22	372,380	597,802	550,179
PVT	HOSE	255.9	3,326.18	1.16%	13.0	13.98	1.18	1,662,914	1,665,348	975,240
DIG	HOSE	143.0	2,302.23	1.06%	16.1	42.97	0.97	194,919	159,888	257,410
OGC	HOSE	300.0	3,390.00	0.82%	11.3	49.89	1.06	1,342,635	1,399,251	1,824,691

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**DB Platinum Advisors**  
**FTST Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **15/01/2008**  
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**  
TGTTSQL **361 mil.**

## Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
STB	HOSE	1,142.5	22,964.48	7.67%	20.1	10.54	1.39	396,142	2,356,710	1,542,539
MSN	HOSE	734.9	67,244.39	7.43%	91.5	205.02	4.60	107,429	157,307	154,647
VCB	HOSE	2,665.0	68,491.02	7.31%	25.7	15.55	1.56	317,007	570,478	597,132
VIC	HOSE	894.2	62,149.71	6.29%	69.5	8.36	4.00	356,500	331,405	391,709
DPM	HOSE	379.9	12,309.87	5.63%	32.4	6.50	1.41	835,396	950,871	1,179,694
BVH	HOSE	680.5	28,103.47	5.63%	41.3	23.19	2.28	172,087	209,668	352,342
PVS	HNX	446.7	13,356.34	5.50%	29.9	8.79	1.57	2,511,960	2,336,843	2,066,534
PVD	HOSE	275.3	23,121.68	3.79%	84.0	10.78	2.23	259,647	354,926	341,502
ITA	HOSE	718.0	5,887.65	3.48%	8.2	104.97	0.76	6,463,945	5,933,329	5,820,503
SHB	HNX	886.1	8,151.97	3.36%	9.2	9.98	0.76	12,072,050	8,247,291	7,180,450
HAG	HOSE	718.2	17,953.87	3.27%	25.0	14.84	1.36	2,857,743	2,660,600	2,882,523
VCG	HNX	441.7	6,139.78	3.21%	13.9	13.85	1.11	1,196,351	1,292,696	1,725,578
OGC	HOSE	300.0	3,390.00	2.07%	11.3	49.89	1.06	1,342,635	1,399,251	1,824,691
DRC	HOSE	83.1	4,236.77	1.52%	51.0	10.76	2.81	325,489	266,529	219,811
GMD	HOSE	114.4	3,901.78	1.49%	34.1	126.52	0.86	141,701	190,849	279,290
PPC	HOSE	318.2	6,776.69	1.32%	21.3	7.39	1.20	418,901	333,636	438,245
PVT	HOSE	255.9	3,326.18	1.16%	13.0	13.98	1.18	1,662,914	1,665,348	975,240
PVX	HNX	400.0	1,840.00	0.00%	4.6	- 0.80	2.25	5,884,887	5,675,257	7,561,754

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**Van Eck Global**  
**Market Vector Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **08/11/2009**  
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**  
TGTTSQL **439.5 mil.**

## MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	894.2	62,149.71	0.00%	69.5	8.36	4.00	356,500	331,405	391,709
MSN	HOSE	734.9	67,244.39	0.00%	91.5	205.02	4.60	107,429	157,307	154,647
DPM	HOSE	379.9	12,309.87	0.00%	32.4	6.50	1.41	835,396	950,871	1,179,694
HAG	HOSE	718.2	17,953.87	0.00%	25.0	14.84	1.36	2,857,743	2,660,600	2,882,523
VCB	HOSE	2,665.0	68,491.02	0.00%	25.7	15.55	1.56	317,007	570,478	597,132
STB	HOSE	1,142.5	22,964.48	0.00%	20.1	10.54	1.39	396,142	2,356,710	1,542,539
BVH	HOSE	680.5	28,103.47	0.00%	41.3	23.19	2.28	172,087	209,668	352,342
CTG	HOSE	3,723.4	54,361.71	0.00%	14.6	8.58	0.98	356,098	302,752	413,315
GAS	HOSE	1,895.0	206,555.00	0.00%	109.0	18.53	5.87	279,372	300,313	419,452

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

## iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	67,244.39	0.88%	91.5	205.02	4.60	107,429	157,307	154,647
VIC	HOSE	894.2	62,149.71	0.56%	69.5	8.36	4.00	356,500	331,405	391,709
STB	HOSE	1,142.5	22,964.48	0.31%	20.1	10.54	1.39	396,142	2,356,710	1,542,539
VCB	HOSE	2,665.0	68,491.02	0.24%	25.7	15.55	1.56	317,007	570,478	597,132
DPM	HOSE	379.9	12,309.87	0.15%	32.4	6.50	1.41	835,396	950,871	1,179,694
BVH	HOSE	680.5	28,103.47	0.08%	41.3	23.19	2.28	172,087	209,668	352,342

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

## iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

<b>Chỉ số bình quân ngành</b>	<b>Vốn hóa (tỷ)</b>	<b>P/E</b>	<b>P/B</b>	<b>ROE</b>	<b>ROA</b>
<b>Hóa chất &amp; Tài nguyên cơ bản</b>					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	6,972	5.8	0.9	15.7%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	18,321	6.9	1.4	20.8%	15.3%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,797	23.3	0.8	2.8%	1.7%
Sản xuất giấy	795	8.2	0.7	10.7%	5.4%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	38,102	20.6	2.2	18.3%	7.8%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,638	4.1	0.7	18.2%	3.8%
Khai khoáng	11,172	48.7	4.4	2.4%	1.7%
<b>Xây dựng và vật liệu</b>					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	21,021	18.4	1.4	11.7%	8.2%
Xây dựng	29,693	- 34.9	1.1	-4.3%	1.5%
<b>Hàng và dịch vụ công nghiệp</b>					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,131	7.3	1.2	17.7%	9.3%
Công nghiệp phức hợp	865	4.6	1.0	22.2%	16.3%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,656	10.1	1.0	7.9%	3.8%
Thiết bị điện	1,659	- 17.6	0.7	-0.3%	-1.2%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	39	24.4	0.5	2.2%	1.5%
Máy công nghiệp	8,202	6.3	1.4	21.3%	14.7%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,684	- 2.9	0.9	3.5%	0.9%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,970	13.5	1.4	15.0%	11.4%
Dịch vụ vận tải	5,959	8.8	1.5	18.2%	11.1%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,458	10.6	1.4	13.9%	4.7%
Đào tạo & Việc làm	207	9.8	0.6	8.0%	2.6%
Nhà cung cấp thiết bị	185	8.6	0.8	10.3%	4.4%
Chất thải & Môi trường	152	2.3	0.7	34.5%	17.0%
<b>Ô tô và Phụ tùng</b>					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,715	9.7	1.2	12.8%	7.4%
Lốp xe	7,519	9.1	2.5	29.1%	12.8%
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,784	6.9	1.1	15.9%	8.6%
Vang & Rượu mạnh	363	13.5	2.2	18.4%	11.2%
Đồ uống & giải khát	251	7.2	1.3	14.3%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	15,743	9.7	1.3	14.5%	6.4%
Thực phẩm	200,732	23.0	4.8	21.8%	16.8%
<b>Hàng cá nhân và gia dụng</b>					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	52	41.4	0.7	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	2,132	8.2	0.9	12.4%	6.1%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	156	8.7	1.4	14.5%	10.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,128	8.6	1.5	17.8%	7.0%
Giày dép	8	- 1.1	0.5	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	4,850	8.8	1.7	16.7%	9.0%
Thuốc lá					
Thuốc lá	706	- 8.5	1.1	1.5%	4.6%

<b>Chỉ số bình quân ngành</b>		Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Y tế</b>						
Thiết bị và dịch vụ y tế						
Thiết bị y tế		903	16.2	0.9	4.9%	2.9%
Dụng cụ y tế		135	3.3	1.7	31.8%	13.0%
Dược phẩm						
Công nghệ sinh học		172	8.2	1.1	13.2%	9.3%
Dược phẩm		15,838	12.3	3.1	25.8%	16.7%
<b>Bán lẻ</b>						
Phân phối thực phẩm và dược						
Phân phối thực phẩm		292	38.3	0.9	2.4%	0.7%
Bán lẻ						
Bán lẻ phức hợp		683	12.9	1.1	12.5%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng		2,205	8.9	1.3	14.6%	3.1%
<b>Truyền thông, Du lịch và Giải trí</b>						
Truyền thông						
Dịch vụ truyền thông		10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa		1,056	8.4	1.0	12.4%	8.1%
Du lịch và giải trí						
Hàng không		-	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn		5,623	35.2	2.3	6.0%	3.1%
Dịch vụ giải trí		2,229	28.0	1.5	15.4%	13.0%
Vận tải hành khách & Du lịch		1,930	17.1	2.3	19.7%	18.3%
<b>Viễn Thông &amp; Công nghệ thông tin</b>						
Viễn thông cố định						
Viễn thông cố định		64	15.0	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính						
Dịch vụ máy tính		585	23.2	0.7	3.2%	1.2%
Internet		348	73.4	0.9	1.1%	0.2%
Phần mềm		17,076	10.5	2.2	22.2%	9.6%
Thiết bị và phần cứng						
Phần cứng		439	15.7	0.7	4.1%	1.6%
Thiết bị văn phòng		265	5.2	1.0	20.0%	14.9%
Thiết bị viễn thông		2,115	1.3	0.7	5.1%	3.7%
<b>Điện nước, xăng dầu và khí đốt</b>						
Sản xuất & phân phối điện						
Sản xuất & phân phối điện		22,456	-	5.6	1.2	-6.5%
Nước & khí đốt						
Phân phối xăng dầu & khí đốt		214,830	18.0	5.7	32.9%	22.1%
Nước		1,200	6.5	1.0	16.7%	11.0%
<b>Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản</b>						
Bảo hiểm phi nhân thọ						
Bảo hiểm phức hợp		1,128	5.0	0.7	15.4%	5.1%
Bảo hiểm phi nhân thọ		6,396	12.1	0.7	5.9%	2.7%
Tái bảo hiểm		2,753	7.8	1.1	14.5%	7.0%
Bảo hiểm nhân thọ						
Bảo hiểm nhân thọ		28,580	23.2	2.3	10.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính						
Tài chính đặc biệt		3,390	49.9	1.1	2.1%	0.6%
Môi giới chứng khoán		25,439	13.8	1.4	8.3%	6.3%
Ngân hàng						
Ngân hàng		243,269	11.0	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản						
Bất động sản		138,311	11.9	2.5	27.8%	6.9%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản		8	14.2	0.8	5.5%	2.5%
<b>Dầu khí</b>						
Thiết bị, dịch vụ và phân phối						
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí		38,281	10.0	2.0	20.4%	8.3%



- |                           |  |                          |  |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ <b>Nguyễn Hữu Quang</b> | <b>Giám đốc Tư vấn Đầu tư</b><br>quangnh@vietinbanksc.com.vn   |                          |  |
| ▶ <b>Nguyễn Quang Sắc</b> | sacnq@vietinbanksc.com.vn<br>- Tổng hợp thông tin vĩ mô<br>- Phân tích kỹ thuật<br>- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ <b>Nguyễn Thu Hằng</b> | hangntt@vietinbanksc.com.vn<br>- Ngân hàng<br>- Thép và sản phẩm thép<br>- Dược phẩm               |
| ▶ <b>Nguyễn Hoài Nam</b>  | namnh@vietinbanksc.com.vn<br>- Sản phẩm hóa dầu<br>- Phân phối xăng dầu, khí đốt<br>- Thiết bị và dịch vụ dầu khí    | ▶ <b>Vũ Ánh Nguyệt</b>   | nguyetva@vietinbanksc.com.vn<br>- Nhựa, cao su, sợi<br>- Thực phẩm<br>- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.